

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /ĐA-UBND

Nghi Xuân, ngày 12 tháng 12 năm 2017

ĐỀ ÁN

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Nghi Xuân giai đoạn từ năm 2018- 2020 và định hướng những năm tiếp theo

Phần mở đầu

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án.

Những năm qua, cùng với những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng tiếp tục duy trì; cơ cấu công nghiệp, du lịch - dịch vụ, cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng tích cực, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ hình thành và phát triển, Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 18/12/2013 của UBND huyện về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Nghi Xuân giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016 và định hướng đến năm 2020, được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND ngày 30/12/2013, UBND huyện ban hành tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 (Đề án số 04/ĐA-UBND) đã góp phần tích cực trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, trong thực hiện tiêu chí Môi trường trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh nói riêng.

Những kết quả đạt được trong thực hiện Đề án được thể hiện trong công tác tuyên truyền; xây dựng điểm tập kết/trạm trung chuyển; thu hút các nhà đầu tư hạ tầng xử lý chất thải rắn; cùng với sự nỗ lực của chính quyền các cấp trong việc hỗ

trợ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn... Nhiều địa phương cơ bản đã xử lý triệt để lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn tại các khu xử lý đảm bảo yêu cầu, cảnh quan môi trường nông thôn, đô thị từng bước được cải thiện.

Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, tình trạng rác thải sinh hoạt vút bừa bãi, tồn đọng; một số địa phương vẫn chưa thực hiện việc ký hợp đồng với đơn vị vận chuyển, xử lý có chức năng mà vẫn tự xử lý bằng cách đốt, chôn lấp không đúng quy định; các điểm xử lý rác thải sinh hoạt chưa đảm bảo đủ về số lượng, công suất theo yêu cầu. Việc tập kết rác thải sinh hoạt tại một số địa phương vẫn không đảm bảo quy định, gây mất mỹ quan đô thị, nông thôn, ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh...

Nhằm quản lý có hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sống sạch, đẹp, văn minh gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đặc biệt Nghi Xuân đến năm 2019 phấn đấu là huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Để khắc phục các tồn tại nêu trên, đồng thời căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu, Luật ngân sách nhà nước năm 2015... thì việc điều chỉnh Đề án số 04/ĐA-UBND là cần thiết nhằm giải quyết đồng bộ cơ bản vấn đề thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án:

a) Các Nghị quyết, Chỉ thị Trung ương, Chính phủ:

- Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 06/3/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển dịch vụ môi trường đến năm 2020”;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

b) Các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường; các pháp luật liên quan:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu;

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

c) Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cơ chế chính sách:

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 101/2010/TT-BTC ngày 14/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 230/2009/TT-BTC ngày 08/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn ưu đãi về thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

- Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung chính sách, pháp luật về phát triển dịch vụ môi trường;

d) Các quy định về quản lý chất thải rắn của cấp tỉnh, cấp huyện:

- Nghị quyết số 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2010 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị năm 2017 - 2018;

- Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn cho các đô thị tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân huyện hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn;

- Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện Nghi Xuân quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Nghi Xuân (Quyết định số 4809/QĐ-UBND);

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ
CHẤT THẢI RẮN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

I. THỰC TRẠNG:

1. Nguồn phát thải chất thải rắn sinh hoạt:

Theo thống kê năm 2016 và kết quả điều tra, lập dự toán thu chi đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện tháng 8/2017 (Báo cáo số 02/BC-HĐ ngày 08/9/2017 của Hội đồng hương dân, kiểm tra, thẩm định cấp huyện thành lập theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND huyện), trên địa bàn huyện có 17 xã, 02 thị trấn với tổng số 167 thôn với tổng dân số trên địa bàn toàn huyện là 99.331 người, trong đó số người có mặt thường xuyên tại địa phương là 74.147 người. Số cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn là 1.769 cơ sở. Về khối lượng rác thải sinh hoạt cụ thể như sau:

a) Theo kết quả điều tra tháng 8/2017:

Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên toàn huyện: 1.159,16 tấn/tháng, tương đương 38,64 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình không kinh doanh là 35,94 tấn/ngày, rác thải sinh hoạt của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đơn vị hành chính sự nghiệp là 2,70 tấn/ngày.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

b) Cân đối theo 70% định mức rác thải các nhân khẩu không kinh doanh:

Căn cứ định mức rác thải sinh hoạt phát sinh tại đô thị 0,62 kg/người/ngày, nông thôn 0,47 kg/người/ngày. Nếu tăng cường thực hiện công tác phân loại, xử lý rác thải hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật...) ngay tại hộ gia đình, tại cơ sở mà không chuyển giao cho tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương bằng phương pháp sử dụng chất thải hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc hoặc xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn, kết hợp chế phẩm sinh học để làm phân bón cho nông nghiệp hoặc làm chất đốt... ; đối với chất thải tái chế bán cho đơn vị thu mua phế liệu để tái chế thì xác định khối lượng rác thải sinh hoạt của các nhân khẩu không kinh doanh = 70% định mức. Khi đó tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn các xã, thị trấn là 28,12 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ là 2,70 tấn/ngày, rác thải sinh hoạt phát sinh từ các nhân khẩu không kinh doanh là 25,42 tấn/ngày.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2. Các tổ chức dịch vụ môi trường trên địa bàn:

a) Về số lượng, cơ sở vật chất:

- Trên địa bàn huyện có 01 Công ty TNHH dịch vụ môi trường, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, đồng thời là chủ cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt bằng lò SANKYO tại Xuân Thành.

- Có 02 Hợp tác xã, gồm Hợp tác xã dịch vụ Môi trường Tân Phát làm nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, là chủ cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt bằng lò LOSHIHO tại Cương Gián. HTX dịch vụ MT Xuân Lĩnh chỉ làm nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các chủ nguồn thải đến điểm tập kết/trạm trung chuyển của địa phương.

- Có 15 tổ vệ sinh do UBND các địa phương Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Hải, Tiên Điền, Xuân Yên, Xuân Thành, Cổ Đàm, Xuân Liên, Xuân Giang, Xuân Mỹ, Xuân Viên, Xuân Hồng, Xuân Lam thành lập có chức năng thu gom rác thải sinh hoạt từ chủ nguồn thải đến điểm tập kết.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động: Đối với Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân hiện đang sử dụng đất ở của hộ gia đình làm trụ sở, với 02 xe chuyên dụng. Đối với HTX dịch vụ môi trường Tân Phát đã được UBND tỉnh cho thuê đất, có trụ sở làm việc tại địa điểm lò đốt rác sinh hoạt, sử dụng 02 xe bán tải và 01 xe Julong hoạt động. Hiện đơn vị đã ký hợp đồng mua 01 xe chuyên dụng để hoạt động.

Đối với HTX dịch vụ môi trường Xuân Lĩnh và các tổ vệ sinh trên địa bàn các xã đều chưa có trụ sở làm việc. Phương tiện hoạt động là các xe đẩy tay, xe kéo, một số trang thiết bị bảo hộ lao động do địa phương hỗ trợ. Hoạt động dưới sự điều hành của UBND địa phương quản lý.

b) Về thu nhập:

Tổng lương thấp nhất của 01 HTX/Tổ vệ sinh là 4,0 triệu đồng/tháng; Tổng lương cao nhất của 01 HTX/Tổ vệ sinh khoảng 20 triệu đồng/tháng. Lương trung bình 01 xã viên thấp nhất 680.000 đồng/người/tháng; cao nhất 24.000.000 đồng/người/tháng tùy thuộc vào tần suất hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn của địa phương.

(Phụ lục 3 chi tiết kèm theo)

3. Hạ tầng tập kết, xử lý chất thải rắn:

a) Hạ tầng cho bãi tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn

Có 37 trên 49 điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã xây dựng trên địa bàn 18 xã, thị trấn (Phụ lục 4 chi tiết kèm theo).

b) Điểm xử lý chất thải rắn:

Hiện trên địa bàn huyện, rác thải sinh hoạt được xử lý bằng các lò đốt rác thải sinh hoạt đã được cấp thẩm quyền cho thuê đất, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định, cụ thể:

- Tại Cương Gián: Khu xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt Loshiho công suất 700 kg/h của HTX dịch vụ môi trường Tân Phát.

- Tại Xuân Thành: Khu xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt Sankyo GF-1500, công suất 1000 kg/h của Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân.

- Tại xã Xuân Hải, Xuân Yên: UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác bằng công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt Loshiho cho HTX môi trường Xuân Yên, công suất 500 kg/h tại Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 20/01/2017.

4. Hình thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

- Các xã Xuân Liên, Cương Gián: HTX dịch vụ môi trường Tân Phát thu gom, vận chuyển rác về lò đốt Cương Gián xử lý;

- Các xã Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Hải, Tiên Điền, Xuân Yên, Xuân Thành, Cổ Đạm, Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Giang,

Xuân Lam do tổ vệ sinh địa phương làm nhiệm vụ thu gom; Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân vận chuyển đưa rác thải về Xuân Thành xử lý.

- Các xã Xuân Hồng, Xuân Lĩnh, Tổ vệ sinh, HTX môi trường địa phương thu gom rác về các điểm tập kết và tự xử lý không đúng quy định bằng phương pháp đốt tại điểm tập kết (Xuân Hồng, Xuân Lĩnh) và chôn lấp (Xuân Hồng).

- Các xã, thị trấn: Thị trấn Xuân An, TT Nghi Xuân do Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân thu gom, vận chuyển rác về lò đốt Xuân Thành xử lý.

5. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ:

a) Chính sách hỗ trợ đối với tổ chức dịch vụ môi trường làm công tác vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đối với hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016 của HĐND huyện Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018 quy định “Hỗ trợ chi phí chênh lệch sau khi đã cân đối giữa nguồn thu phí với chi phí hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng cho các tổ chức thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn từ 2 xã trở lên, mức hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/năm/xã”.

Trong năm 2016, cấp huyện hỗ trợ Công ty môi trường đô thị Nghệ An 119 triệu, Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân 75 triệu, HTX Môi trường Tân Phát 15 triệu. Đối với các xã như: Xuân Viên 10 triệu (hàng năm); Xuân Yên 60 triệu (2017), thị trấn Nghi Xuân 500.000 đồng/tháng, thị trấn Xuân An 100 triệu (2016). Ngoài ra đối với các địa phương như Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Hải thực hiện ký hợp đồng nghiệm thu theo khối lượng thực tế. Xã Cương Gián sau khi có kết quả điều tra rác thải tháng 8 năm 2017 đã ký hợp đồng với HTX môi trường Tân Phát theo khoán khối lượng/tháng.

Ngày 27/9/2017, Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn, theo đó, ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 50% tiền vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh còn thiếu sau khi cân đối trên địa bàn các xã, thị trấn.

b) Chính sách hỗ trợ đối với các HTX, tổ đội vệ sinh môi trường về tiền mới thành lập, phương tiện thu gom, vận chuyển:

- Căn cứ Nghị quyết số 63/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của HĐND huyện về việc thông qua Đề án một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2014, 2015, UBND huyện đã hỗ trợ cho HTX dịch vụ môi trường Tân Phát tiền mua 02 xe tải chở rác với số tiền là 100.000.000 đồng.

- Căn cứ Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND của HĐND huyện, ngân sách huyện hỗ trợ 15% giá trị xe chuyên dụng vận chuyển rác thải khi các tổ chức dịch vụ môi trường mua xe chuyên dụng (xe ép rác) làm nhiệm vụ vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện, tối đa không quá 300 triệu đồng/01 xe. Mức hỗ trợ áp dụng không quá 02 xe cho một tổ chức dịch vụ môi trường.

6. Về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện.

a) Công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý vi phạm:

- *Cấp huyện:* Một (01) cuộc hội nghị phổ biến Đề án cho 100 người (cấp huyện, cấp xã); 17 cuộc tập huấn cho 17 xã về Tiêu chí Môi trường (trong đó có yêu cầu số về quản lý chất thải rắn) cho Ban chỉ đạo, ban quản lý xây dựng NTM xã, Ban phát triển thôn với trên 900 người; 02 cuộc tập huấn cho cán bộ ban ngành đoàn thể cấp huyện về Luật Bảo vệ môi trường 2014, Tiêu chí Môi trường với trên 400 người; 02 cuộc tập huấn điều tra lập dự toán thu chi đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên 800 người; ban hành nhiều văn bản, nhiều cuộc họp chỉ đạo phân loại rác thải tại nguồn, thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, xây dựng điểm tập kết/trạm trung chuyển, xử lý rác thải nơi công cộng. Nhiều cuộc kiểm tra việc xử lý rác thải của HTX dịch vụ môi trường Tân Phát, Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân; kiểm tra, chỉ đạo việc xây dựng điểm tập kết/trạm trung chuyển, xử lý rác thải gây ô nhiễm tại khu vực công cộng tại các địa phương...

- *Cấp xã:* Phổ biến 19 cuộc (cán bộ cấp xã) và 70 cuộc cấp thôn về Đề án; đã có những biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với việc xả rác thải tại các khu vực công cộng, tổ chức tuần tra, xử lý các điểm nóng về xả rác thải (khu vực ven biển xã Cương Gián thành lập ban kiểm tra; khu vực chân cầu nằm ranh giới giữa xã Tiên Điền và Xuân Yên phạt 02 triệu, vớt rác tại Quốc lộ 1A đoạn qua Xuân Lĩnh, vớt rác thải không đúng quy định tại nhà hàng Xuân Lam; xử lý rác thải tồn đọng tại chợ Giang Đình, đê hữu Sông Lam đoạn đi qua thị trấn Xuân An, Xuân Giang, thị trấn Nghi Xuân...).

b) Công tác quản lý thu phí vệ sinh/giá dịch vụ:

- Theo kết quả điều tra tháng 8/2017, thực tế tổng thu/dự toán tổng thu phí vệ sinh rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện một tháng = 395.236.507 đồng/533.054.493 đồng, chiếm tỉ lệ 73,1%;

(Có Phụ lục 5 chi tiết kèm theo)

- Ngày 03/11/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 4809/QĐ-CTUBND Quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Nghi Xuân. Hiện nay các địa phương đang tổ chức thu giá dịch vụ đảm bảo thu đúng, thu đủ, hạn chế tối đa ngân sách hỗ trợ do thất thu giá dịch vụ trên địa bàn.

II. NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ:

1. Về kiện toàn các tổ chức dịch vụ môi trường:

Đến nay, mặc dù Ủy ban nhân dân huyện đã có nhiều văn bản chỉ đạo các địa phương thành lập các Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm nhiệm vụ thu gom rác thải trên địa bàn, nhưng đến nay mới chỉ có 15 tổ hợp tác và 01 HTX làm nhiệm vụ thu gom rác thải trên địa bàn 16 xã. Còn lại 03 địa phương gồm thị trấn Nghi Xuân, thị trấn Xuân An, Cương Gián chưa thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã làm nhiệm vụ thu gom rác thải từ chủ nguồn thải đến điểm tập kết/trạm trung chuyển.

2. Về quy hoạch và đầu tư hạ tầng cho bãi tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn, các điểm xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt.

a) Hạ tầng cho bãi tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn:

Hiện thị trấn Nghi Xuân, Xuân Hội, Xuân Mỹ, Xuân Liên chưa xây dựng với tổng 05 điểm tập kết/trạm trung chuyển; 04 địa phương còn 9 điểm tập kết/trạm trung chuyển chưa xây dựng, gồm: Xuân An 4 điểm (đã xây 1/5), Xuân Yên 3 điểm (đã xây 1/4), Xuân Giang 1 điểm (đã xây 5/6), Xuân Trường 1 điểm.

b) Điểm xử lý chất thải rắn:

- Tại Cương Gián: Khu xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt Loshiho công suất 700 kg/h của HTX dịch vụ môi trường Tân Phát, hạng mục ô chôn lấp, hồ xử lý nước thải (rỉ rác) chưa hoàn thiện;

- Tại Xuân Thành: Khu xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt Sankyo GF-1500, công suất 1000 kg/h của Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân đã đi vào hoạt động thử nghiệm, các ô chôn lấp cơ bản đã đầy. Một số đồng rác cao quá 2 m so với bờ hồ chôn lấp nhưng không được xử lý gây ô nhiễm môi trường.

- Tại xã Xuân Hải, Xuân Yên: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác bằng công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt Loshiho cho HTX môi trường Xuân Yên, công suất 500 kg/h tại xã Xuân Hải, Xuân Yên, huyện Nghi Xuân tại Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, thuộc Điểm 2 của Đề án nhưng đã hơn 10 tháng, chủ đầu tư chưa triển khai thực hiện dự án.

- Điểm 1 của Đề án số 04/ĐA-UBND đặt ở vị trí trung tâm có điều kiện thuận lợi cho vận chuyển xử lý cho cụm 6 xã: Xuân Lam, Xuân Hồng, Xuân Lĩnh, Xuân Viên, Xuân An, Xuân Giang hiện chưa xác định được vị trí và triển khai thực hiện.

3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ:

- Chính sách hỗ trợ đối với tổ chức dịch vụ môi trường làm công tác vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đối với hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh:

+ Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016 của HĐND huyện, theo đó cấp huyện hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/xã. Tuy vậy, tại Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND huyện Nghi Xuân ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016 của HĐND huyện quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2018, tại điểm c) khoản 3 Điều 8 quy định chưa cụ thể để các địa phương căn cứ lập hồ sơ đề nghị cấp huyện hỗ trợ.

+ Ngày 27/9/2017, HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn, theo đó, ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 50% tiền vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh còn thiếu sau khi cân đối trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Một số địa phương khi thực hiện ký hợp đồng dịch vụ với các tổ chức dịch vụ môi trường, mặc dù có chi trả cho tổ chức dịch vụ môi trường nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ số tiền cần chi trả. Nhiều địa phương nguồn chi trả cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn chỉ từ nguồn thu giá dịch vụ (trước đây là nguồn thu phí vệ sinh) mà không có nguồn kinh phí từ ngân sách hỗ trợ.

4. Về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Hiện những sai phạm trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt như tập kết, xử lý rác thải không đúng quy định (xử lý tự phát) nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí nhưng không được xử lý...

- Một số địa phương nhiều đối tượng là hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh hoặc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đơn vị hành chính, sự nghiệp chưa đóng nộp phí vệ sinh (nay là giá dịch vụ) hoặc đóng nộp không đầy đủ nhưng vẫn xả rác thải ra ngoài môi trường.

III. NGUYÊN NHÂN:

1. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền các xã, thị trấn:

Tại một số địa phương công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền còn chưa quan tâm đúng mức cho công tác quản lý chất thải rắn.

- Công tác tham mưu về quản lý nhà nước một số phòng, ban, ngành cấp huyện; một số địa phương còn chậm; chưa đảm bảo, kịp thời, cụ thể:

+ Công tác ban hành quy hoạch Điểm 1 Đề án số 04/ĐA-UBND xử lý cho cụm 6 xã: Xuân Lam, Xuân Hồng, Xuân Lĩnh, Xuân Viên, Xuân An, Xuân Giang mặc dù đã được lập, phê duyệt tại 02 vị trí xã Xuân Hồng nhưng sau khi được sở ngành kiểm tra không đảm bảo quy định.

+ Cơ chế hỗ trợ tài chính ban hành theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016 của HĐND huyện với mức hỗ trợ cấp huyện 30 triệu đồng/năm/xã là chưa đảm bảo yêu cầu về xử lý chất thải rắn¹;

+ Một số địa phương công tác quản lý nhà nước chưa được tăng cường từ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến kiểm tra, giám sát việc thu giá dịch vụ; xử lý hành vi vi phạm hành chính đối với những hành vi xả thải ở các khu vực công cộng; chưa bố trí ngân sách hoặc bố trí không đảm bảo cho đầu tư, hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải theo đúng quy định.

2. Nguyên nhân khách quan:

¹ Hiện nay, HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 Hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn, theo đó, ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 50% tiền vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh còn thiếu sau khi cân đối trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Việc khảo sát quy hoạch vị trí xử lý rác thải sinh hoạt để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như khoảng cách tới khu dân cư ≥ 500 m đối với lò đốt rác sinh hoạt, không ngập úng, thuận lợi cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng... trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

- Một số văn bản còn bất cập, chưa có hướng dẫn cụ thể, kịp thời thay thế hoặc ban hành:

+ Công tác ban hành quy hoạch chưa hoàn thiện, còn nhiều bất cập:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn thì *Quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp địa phương do Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức lập, phê duyệt.*

Tuy vậy, Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, rác thải 02 đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn huyện vận chuyển về Lộc Hà xử lý; rác thải vùng nông thôn chưa có quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Mặt khác, theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 18/12/2013 của UBND huyện, việc xử lý rác thải trên địa bàn huyện áp dụng công nghệ lò đốt tại 04 điểm trên địa bàn huyện. Hiện 02 điểm bằng lò đốt rác sinh hoạt đã đi vào hoạt động, 01 điểm lò đốt rác sinh hoạt đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

Như vậy, hiện nay để xử lý rác thải công nghiệp (bao gồm công nghiệp thông thường và nguy hại) trên địa bàn huyện, nếu thực hiện theo Quyết định số 418/QĐ-UBND sẽ phải đưa vào xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà xử lý vì các lò đốt trên địa bàn huyện là lò đốt rác thải sinh hoạt. Điều này dẫn đến một chủ nguồn thải, nếu phát sinh đồng thời rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thì công tác quản lý chủ nguồn thải đó thực hiện ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển rác thải sinh hoạt xử lý trên địa bàn huyện và rác thải công nghiệp ra khỏi địa bàn huyện để xử lý gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, theo Quyết định số 418/QĐ-UBND, đối với rác thải 02 đô thị (Xuân An, thị trấn Nghi Xuân) phải vận chuyển vào xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà để xử lý. Thực tế hiện nay rác thải sinh hoạt của 02 thị trấn hiện đang được xử lý tại lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân. Nếu phải vận chuyển theo quy hoạch (đưa rác thải 02 đô thị vào xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà) sẽ tốn kém (do cung đường vận chuyển xa) trong khi rác thải sinh hoạt 02 đô thị và rác thải sinh hoạt 17 xã có cùng thành phần và tính chất.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP thì UBND tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể của mỗi địa phương nhưng đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể.

+ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh áp dụng trong nhiều năm liền, chỉ hết hiệu lực kể từ ngày 10/7/2017 khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 Quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

+ Luật Phí và Lệ phí có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, theo đó, Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn, Phí vệ sinh được chuyển thành giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nhưng đến 10/7/2017, Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh mới có hiệu lực.

+ Theo quy định tại Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu thì "*Chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được bù đắp thông qua ngân sách địa phương*" nhưng các cấp vẫn chưa có quy định mức hỗ trợ cụ thể. Hiện nay Sở Tài chính có Văn bản số 693/STC-NSHX ngày 02/3/2017 về việc phương án về cơ chế tài chính trong hỗ trợ kinh phí vận chuyển và xử lý rác thải (cấp sự nghiệp môi trường 780 triệu đồng/huyện/năm và cấp kinh phí xử lý rác thải 1 tỷ đồng/năm), số còn thiếu địa phương cấp huyện, cấp xã tự cân đối ngân sách để đảm bảo. Tuy vậy, nguồn hỗ trợ này chưa có căn cứ cụ thể từ dự toán thu chi cấp xã, cấp huyện để có cơ sở cân đối, trong khi ngân sách cấp huyện, cấp xã khó khăn.

- Nguồn ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường còn hạn chế:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư Liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Kinh phí sự nghiệp môi trường được bố trí không thấp hơn 1% tổng chi cân đối của ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hằng năm), hàng năm, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường chưa đáp ứng đủ yêu cầu và triển khai nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ hỗ trợ việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ rác thải.

- Bất cập trong văn bản quy phạm pháp luật quản lý chất thải rắn:

Theo khoản 4 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu thì “Chất thải rắn công nghiệp là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”. Tại khu vực nông thôn có một số cơ sở sản xuất kinh doanh không nằm trong khu công nghiệp với các loại hình kinh doanh khác nhau như sửa chữa xe máy, xe đạp, nhà hàng ăn uống, dịch vụ... Đến nay chưa có văn bản hướng dẫn rác thải các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nào là rác thải công nghiệp;

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương quyết định đến công tác vệ sinh môi trường nói chung và việc thu gom xử lý chất thải rắn nói riêng. Địa phương nào có sự vào cuộc lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền thì địa phương đó, công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tốt hơn.

2. Việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn dân về vệ sinh môi trường là vấn đề quan trọng và phải được làm thường xuyên;

3. Xã hội hóa khâu thu gom chất thải rắn có tính khả thi rất cao, cần có chính sách hỗ trợ để đẩy mạnh thành lập các loại hình doanh nghiệp công ích trong lĩnh vực này nhưng nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo trong việc bố trí kinh phí đảm bảo để đầu tư trang thiết bị; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

- Quán triệt quan điểm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững phải gắn với bảo vệ môi trường.

- Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm chung của toàn xã hội, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, ngành, đoàn thể, tổ chức doanh nghiệp và mỗi người dân, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo.

- Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động dịch vụ công ích. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện. Huy động tối đa các nguồn lực trong đầu tư vốn, công nghệ, kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện liên xã, liên ngành, đảm bảo tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường, gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch phát triển khác; là một trong những ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, hướng tới phát triển bền vững. Theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, theo đó các tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm đóng góp kinh phí, khắc phục, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Kết hợp nhiều loại hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với từng giai đoạn nhằm đạt hiệu quả cao, từng bước sử dụng công nghệ tiên tiến.

- Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện phải gắn kết được với Đề án quản lý chất thải rắn của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy hoạch về xử lý rác thải trên toàn tỉnh Hà Tĩnh.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2018:

Hoàn thành các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; Hoàn thiện công tác quy hoạch các điểm xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện; xây dựng các cơ chế, chính sách; hướng dẫn nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

2. Đến năm 2019:

Hoàn thành việc xây dựng các điểm xử lý rác thải sinh hoạt theo quy hoạch đảm bảo công suất xử lý tất cả lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

3. Đến năm 2020 và những năm tiếp theo:

Toàn huyện giải quyết đồng bộ cơ bản vấn đề thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo phát triển bền vững, góp phần xây dựng đời sống văn minh, hiện đại.

III. NHIỆM VỤ:

1. 100% địa phương thực hiện tốt phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, xử lý tốt rác thải hữu cơ dễ phân hủy tại hộ gia đình.

2. 100% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo đúng quy định.

3. Xây dựng mới, hoàn thiện các điểm tập kết/trạm trung chuyển; các điểm xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiết kiệm đất để xử lý triệt để lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện.

IV. GIẢI PHÁP:

A. GIAI ĐOẠN 2018 – 2020:

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền gắn với Tiêu chí Môi trường trong xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn có trách nhiệm:

a) Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thành:

- Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);
- Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh);
- Nhóm còn lại.

b) Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân có vườn; các tổ chức sử dụng nhóm rác hữu cơ dễ phân hủy tự xử lý ngay tại hộ gia đình, tại cơ sở mà không chuyển giao cho tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương bằng các phương pháp sau:

- Sử dụng chất thải hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc hoặc xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn, kết hợp chế phẩm sinh học để làm phân bón cho nông nghiệp hoặc làm chất đốt...;

- Đối với chất thải tái chế: Bán cho đơn vị thu mua phế liệu để tái chế;

- Đối với chất thải còn lại: Chuyển giao cho tổ chức thu gom, vận chuyển; xử lý rác thải sinh hoạt để xử lý tại khu xử lý tập trung trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

c) Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Sau khi phân loại, tự xử lý rác thải hữu cơ, phần còn lại chất thải rắn sinh hoạt phải được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp tương ứng với từng nhóm (không để lẫn lộn các nhóm vào trong cùng một bao bì hoặc thiết bị lưu chứa), khuyến khích sử dụng màu sắc phân biệt, đảm bảo lưu giữ không bị hư hỏng, rách vỡ vò. Đối với bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng có nắp đậy kín đảm bảo không phát tán mùi. Khuyến khích màu sắc bao bì hoặc thiết bị lưu chứa quy định như sau:

- + Màu xanh đối với bao bì, thiết bị lưu chứa nhóm hữu cơ dễ phân hủy;
- + Màu trắng đối với bao bì, thiết bị lưu chứa nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- + Màu đen đối với bao bì, thiết bị lưu chứa nhóm còn lại.

- Rác thải sinh hoạt sau khi lưu giữ được tập kết trong khuôn viên hộ gia đình, đơn vị ở những vị trí nhất định và chỉ chuyển giao trực tiếp cho tổ chức dịch vụ môi trường địa phương thu gom vào đúng ngày giờ địa phương quy định. Trường hợp vì điều kiện không thể chuyển giao trực tiếp, chủ nguồn thải có thể đặt rác thải sinh hoạt trước cổng của hộ gia đình, cơ sở mình nhưng không quá 12 tiếng trước khi tổ vệ sinh thu gom. Nghiêm cấm các hộ gia đình, các cơ sở tập kết rác thải sinh hoạt thành từng cụm, từng nhóm dọc các tuyến đường giao thông, khu vực công cộng.

d) Nộp phí vệ sinh; ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý:

- Hộ gia đình, cá nhân phải nộp giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện;

- Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý với tổ chức dịch vụ môi trường tại địa phương; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ. Giá dịch vụ căn cứ theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện.

2. Hoàn thiện quy hoạch các điểm tập kết/trạm trung chuyển, các điểm xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn:

a) Quy hoạch các điểm tập kết/trạm trung chuyển tại 19 xã, thị trấn.

Các địa phương đã xây dựng điểm tập kết/trạm trung chuyển rà soát điều chỉnh, bổ sung các điểm tập kết/trạm trung chuyển đảm bảo phù hợp. Các địa phương chưa thực hiện quy hoạch, xây dựng, hoàn thành quy hoạch và triển khai xây dựng đảm bảo không tập kết rác thải tại các tuyến đường, khu vực công cộng gây mất mỹ quan đô thị, nông thôn, ô nhiễm môi trường. Điểm tập kết/trạm trung chuyển trong khu dân cư (nếu có) đảm bảo hợp vệ sinh khi đáp ứng các yêu cầu:

- Về quy hoạch: Phù hợp quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt. Đối với điểm trung chuyển khoảng cách an toàn về môi trường tuân theo QCVN 01:2008/BXD, cụ thể: Phải bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn nhằm tiếp nhận và vận chuyển hết khối lượng chất thải rắn trong phạm vi bán kính thu gom đến khu xử lý tập trung trong thời gian không quá 48 giờ; Đảm bảo cách ly vệ sinh tới các khu vực lân cận, tốt nhất ở cuối hướng gió chủ đạo; Khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn ≥ 20 m.

- Bán kính phục vụ và diện tích tối thiểu của trạm trung chuyển được quy định cụ thể tại Phụ lục 6.

- Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật trạm trung chuyển phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 07-9:2016/BXD, bao gồm: Tường chắn, sân bãi, đường vào, hệ thống thu gom, xử lý nước thải (mương tiêu thoát, hố ga hố lắng nước rỉ rác); Khu phân loại lưu giữ vật liệu tái chế), hệ thống cây xanh xung quanh.

b) Quy hoạch các điểm xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đảm bảo đủ công suất xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện theo hướng:

- Điểm 1: Tại xã Cương Gián, xử lý rác thải sinh hoạt cho 02 xã Xuân Liên, Cương Gián;

- Điểm 2: Tại xã Xuân Thành, xử lý rác thải sinh hoạt cho 6 xã: Xuân Thành, Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phô, Cổ Đạm.

Hoàn thiện theo hướng mở rộng bãi rác Xuân Thành để đảm bảo xử lý lượng rác thải đang tồn đọng hiện nay bằng phương pháp chôn lấp theo đúng quy trình kỹ thuật hiện hành và xây dựng hố chôn lấp tro xỉ (sau khi đốt), các loại rác thải không đốt được trong quá trình xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Điểm 3: Tại xã Xuân Hải, Xuân Yên, xử lý rác thải sinh hoạt cho 02 xã Xuân Hải, Xuân Yên.

- Điểm 4: Tại xã Xuân Mỹ, xử lý rác thải sinh hoạt cho 9 xã: Xuân Mỹ, Tiên Điền, thị trấn Nghi Xuân, Xuân Giang, thị trấn Xuân An, Xuân Hồng, Xuân Lam, Xuân Lĩnh, Xuân Viên.

- Cần thiết khảo sát bổ sung một số điểm xử lý rác thải sinh hoạt tại một số xã có khoảng cách xa Điểm 4 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

(Công suất lắp đặt lò, phạm vi các điểm xử lý và Sơ đồ vị trí các điểm xử lý rác thải sinh hoạt thể hiện chi tiết tại Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo)

Đối với rác thải công nghiệp, nguy hại, căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, theo đó, đối với rác thải công nghiệp tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch... của huyện Nghi Xuân được xử lý tại xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà. Các chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp, nguy hại thực hiện trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận

chuyên, xử lý rác thải công nghiệp, nguy hại với đơn vị có chức năng xử lý rác thải công nghiệp, nguy hại theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc các đơn vị có chức năng khác đảm bảo thuận lợi, kinh tế; thanh toán toàn bộ kinh phí dịch vụ theo hợp đồng.

3. Kiện toàn các tổ chức dịch vụ môi trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động; nâng cao chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Các xã, thị trấn thành lập Hợp tác xã, tổ hợp tác làm nhiệm vụ tuyên truyền phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt về điểm tập kết/trạm trung chuyển.

- Các tổ chức dịch vụ môi trường có chức năng xử lý rác thải sinh hoạt làm nhiệm vụ vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại các điểm tập kết/trạm trung chuyển của các địa phương thông qua Hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt giữa tổ chức dịch vụ môi trường với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn.

a) Xây dựng cơ chế, chính sách:

- Thực hiện các quy định về miễn tiền thuê đất; Hỗ trợ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư; ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật đất đai; pháp luật về đầu tư và các văn bản quy định hiện hành.

- Ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối đa không quá 50% tiền vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh còn thiếu sau khi cân đối trên địa bàn các xã, thị trấn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 của HĐND huyện.

Dựa vào phân thiếu của cân đối theo dự toán thu, chi đầu năm; sau khi đã trừ phần ngân sách cấp huyện hỗ trợ 50%, ngân sách cấp xã phải đảm bảo 50% còn lại để hỗ trợ chi trả tiền vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho các tổ chức dịch vụ môi trường trên địa bàn.

Trường hợp các địa phương không thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, kết quả lượng rác thải tại các địa phương $\geq 70\%$ so với định mức của các nhân khẩu không kinh doanh; không thu được giá dịch vụ của các chủ nguồn thải như dự toán thu tối đa thì ngân sách từng địa phương phải chi trả cho phần phát sinh lượng rác thải sinh hoạt tăng thêm và thất thu giá dịch vụ từ các hộ gia đình,

cá nhân không kinh doanh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn địa phương quản lý.

- Hỗ trợ các tổ chức dịch vụ môi trường về tiền mới thành lập, phương tiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Ngoài các chính sách hỗ trợ cấp Trung ương, tỉnh theo quy định, cấp huyện hỗ trợ 15% giá trị xe chuyên dụng vận chuyển rác thải khi các tổ chức dịch vụ môi trường mua xe chuyên dụng (xe ép rác) làm nhiệm vụ vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện, tối đa không quá 300 triệu đồng/01 xe. Mức hỗ trợ áp dụng không quá 02 xe cho một tổ chức dịch vụ môi trường.

b) Hướng dẫn hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán: Ban hành hướng dẫn về hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh.

5. Học hỏi kinh nghiệm.

Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, tham quan học hỏi kinh nghiệm các mô hình quản lý chất thải rắn trên địa bàn các huyện, các tỉnh.

B. GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO:

1. Tiếp tục công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho nhân dân và các chủ nguồn thải thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn;

2. Thực hiện tốt các nội dung đề án có tính đến việc kết nối với quy hoạch xử lý chất thải rắn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các quy định liên quan và khi nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp tại xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà đi vào hoạt động với công nghệ xử lý rác thải các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch, các thị trấn có phạm vi hoạt động bao gồm huyện Nghi Xuân (theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030) đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Là cơ quan đầu mối chủ trì tổng hợp các kết quả thực hiện Đề án, tổng hợp kết quả thực hiện theo yêu cầu và hằng năm tham mưu UBND huyện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án;

- Trước 30/9 hằng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng tổ chức thẩm định, tổng hợp phần ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh từ dự toán thu, chi đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các xã, thị trấn lập;

- Thực hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn, quản lý chất thải rắn cho cấp ủy, các phòng, ban, ngành đoàn thể cấp huyện; cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội cấp xã, thị trấn; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp huyện, cấp tỉnh quản lý trên địa bàn theo quy định tại điểm c) khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; xử lý vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, đặc biệt kiểm tra việc xử lý rác thải của các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, bồi thường GPMB.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thẩm định dự toán thu, chi đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các xã, thị trấn hằng năm.

- Trước 20/10 hằng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh từ kết quả thẩm định của liên phòng Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch và Kinh tế - Hạ tầng; xây dựng dự toán nguồn kinh phí hỗ trợ phân cấp huyện, báo cáo UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua trong dự toán chi ngân sách của năm tiếp theo;

- Chủ trì phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành hướng dẫn hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán hỗ trợ ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh.

- Huy động, tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển liên quan đến chất thải rắn (điểm tập kết/trạm trung chuyển, xây dựng các điểm xử lý rác thải sinh hoạt, hỗ trợ ngân sách cho các tổ chức dịch vụ môi trường như xe đẩy tay, xe chuyên dụng, giải phóng mặt bằng...) theo quy định;

- Thu hút đầu tư; kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng:

- Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thẩm định dự toán thu, chi đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các xã, thị trấn hằng năm;

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện rà soát điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch các điểm tập kết/trạm trung chuyển tại các xã, thị trấn; xác định tuyến thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn; khảo sát xác định, đề xuất UBND tỉnh quyết định chấp thuận quy hoạch các địa điểm xử lý rác thải sinh hoạt theo Đề án;

4. Công an huyện:

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn.

Chỉ đạo lực lượng công an các xã, thị trấn phối hợp cán bộ chuyên môn về môi trường cấp xã, thị trấn thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chất thải rắn của các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý cấp xã theo quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường 2014.

5. Phòng Y tế:

Chịu trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất thải rắn.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu hỗ trợ các chủ nguồn thải có hoạt động sản xuất kinh doanh, liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp thực hiện các kế hoạch ngăn ngừa và giảm chất thải, thúc đẩy áp dụng công nghệ sản xuất sạch không gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở thuộc ngành quản lý thực hiện nghiêm quy định về quản lý chất thải rắn.

7. Phòng Văn hóa và Thông tin:

Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường nói chung, quản lý tổng hợp chất thải rắn nói riêng.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý chất thải rắn để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học phổ thông.

9. Chi cục thuế huyện:

Chủ trì hướng dẫn các tổ chức dịch vụ môi trường trách nhiệm kê khai, nộp thuế; các quy định về biên lai, hóa đơn, chứng từ khi tổ chức thu giá dịch vụ từ các chủ nguồn thải.

10. Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên tích cực tham gia thực hiện Đề án; tiếp tục xây dựng, nhân rộng có hiệu quả các mô hình “Chi hội xanh - sạch - đẹp”, “Đoạn đường tự quản”, đẩy mạnh phong trào “5 không, 3 sạch”, tích cực vận động đoàn viên, hội viên tham gia và làm tốt công tác phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt,

đặc biệt là công tác nộp giá dịch vụ rác thải sinh hoạt; xử lý rác thải tại các khu vực công cộng...

11. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã):

- Định kỳ trước ngày 15/9 hằng năm, UBND các xã lập dự toán thu chi đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn (*bao gồm rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, đơn vị hành chính sự nghiệp và lượng rác thải phát sinh tại các khu vực công cộng*) trình Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định. Căn cứ kết quả thẩm định phân ngân sách cấp huyện hỗ trợ của liên phòng Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã tổng hợp dự toán thu chi đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trình HĐND cấp xã thông qua dự toán ngân sách cấp xã hỗ trợ.

Căn cứ Nghị quyết được thông qua của HĐND cấp xã, UBND xã quyết định phê duyệt dự toán thu chi đầu năm đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn, chủ trì tổ chức thực hiện thu giá dịch vụ, tổng hợp kết quả thu giá dịch vụ theo dự toán đảm bảo thu đúng, thu đủ; ký hợp đồng dịch vụ với tổ thu gom và tổ chức vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng. Phân ngân sách cấp huyện hỗ trợ, lập tờ trình đề nghị cấp huyện hỗ trợ;

- Thành lập và kiện toàn HTX, tổ hợp tác làm nhiệm vụ tuyên truyền phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn;

- Thực hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, quản lý chất thải rắn cho cấp ủy, các ban, ngành đoàn thể cấp xã, cộng đồng dân cư tại các thôn xóm/tổ dân phố, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và xử lý vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải (không nộp giá dịch vụ, không ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải) quy mô hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý cấp xã theo quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Thực hiện giám sát nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt căn cứ hợp đồng dịch vụ đối với các tổ vệ sinh thực hiện nhiệm vụ thu gom và các tổ chức làm nhiệm vụ vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại địa phương; có biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm hợp đồng.

- Ban hành các chính sách ưu đãi cụ thể trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn tại địa phương.

12. Tổ chức, cá nhân tham gia vào các lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Đầu tư cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc thực hiện dự án theo quy định; được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định nêu trong Đề án này.

13. Các hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đơn vị hành chính sự nghiệp phát sinh rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn;

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các đơn vị hành chính, sự nghiệp thực hiện ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; thanh toán toàn bộ kinh phí dịch vụ. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TNMT;
- Gửi bản giấy và điện tử.



Phạm Tiến Hưng

Phụ lục 1: Khối lượng rác sinh hoạt trên địa bàn các xã, thị trấn; toàn huyện

Đơn vị: Tấn



TT	Địa phương	Số thôn	Nhân khẩu (người)		Khối lượng rác sinh hoạt/ngày (Điều tra tháng 8/2017)		
			Theo thống kê 2016	Có mặt thường xuyên (điều tra tháng 8/2017)	Tổng	Rác kinh doanh	Rác không kinh doanh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7)+(8)	(7)	(8)
1	Xuân Hội	11	5.407	4.157	1,77	0,08	1,68
2	Xuân Trường	10	4.642	3.709	1,33	0,02	1,31
3	Xuân Đan	5	2.518	2.067	0,83	0,05	0,78
4	Xuân Phở	9	4.210	3.110	1,58	0,02	1,57
5	Xuân Hải	7	4.553	3.616	1,33	0,04	1,29
6	Xuân Liên	11	6.756	4.597	2,60	0,09	2,51
7	Cương Gián	15	12.529	9.659	5,67	0,25	5,42
8	Xuân Viên	9	4.175	2.822	0,79	0,02	0,77
9	Xuân Lĩnh	5	3.027	2.422	0,90	0,07	0,83
10	Tiên Điền	7	3.062	2.574	1,29	0,06	1,22
11	Xuân Yên	10	4.882	3.185	1,33	0,06	1,27
12	Xuân Thành	10	4.813	3.335	1,86	0,40	1,45
13	Cổ Đạm	12	7.830	5.382	3,27	0,02	3,24
14	TT N.Xuân	4	2.449	2.097	1,67	0,47	1,19
15	Xuân Mỹ	8	3.784	2.520	1,33	0,08	1,26
16	Xuân Giang	7	5.591	4.066	2,17	0,07	2,10
17	TT X.An	13	10.326	7.693	6,30	0,73	5,57
18	Xuân Hồng	9	6.114	4.985	1,83	0,09	1,74
19	Xuân Lam	5	2.663	2.151	0,79	0,08	0,72
Tổng		167	99.331	74.147	38,64	2,70	35,94

Ghi chú: Số liệu theo kết quả điều tra của các xã, thị trấn tháng 8/2017.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨ XUÂN



Phụ lục 2: Khối lượng rác sinh hoạt theo định mức nhân (x) 70% trên địa bàn các xã, thị trấn; toàn huyện

TT	Địa phương	Nhân khẩu (người)			Khối lượng theo 70% định mức/ngày		
		Số thôn	Theo thống kê 2016	Có mặt thương xuyên (điều tra tháng 8/2017)	Tổng	Rác kinh doanh	Rác không kinh doanh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)=(5)*0,47(0,62)*70%
1	Xuân Hội	11	5.407	4.157	1,45	0,08	1,37
2	Xuân Trường	10	4.642	3.709	1,24	0,02	1,22
3	Xuân Đan	5	2.518	2.067	0,73	0,05	0,68
4	Xuân Phổ	9	4.210	3.110	1,04	0,02	1,02
5	Xuân Hải	7	4.553	3.616	1,23	0,04	1,19
6	Xuân Liên	11	6.756	4.597	1,60	0,09	1,51
7	Cương Gián	15	12.529	9.659	3,43	0,25	3,18
8	Xuân Viên	9	4.175	2.822	0,94	0,02	0,93
9	Xuân Lĩnh	5	3.027	2.422	0,87	0,07	0,80
10	Tiên Điền	7	3.062	2.574	0,91	0,06	0,85
11	Xuân Yên	10	4.882	3.185	1,11	0,06	1,05
12	Xuân Thành	10	4.813	3.335	1,50	0,40	1,10
13	Cổ Đạm	12	7.830	5.382	1,79	0,02	1,77
14	TT N.Xuân	4	2.449	2.097	1,38	0,47	0,91
15	Xuân Mỹ	8	3.784	2.520	0,91	0,08	0,83
16	Xuân Giang	7	5.591	4.066	1,40	0,07	1,34
17	TT X.An	13	10.326	7.693	4,07	0,73	3,34
18	Xuân Hồng	9	6.114	4.985	1,73	0,09	1,64
19	Xuân Lam	5	2.663	2.151	0,79	0,08	0,71
Tổng		167	99.331	74.147	28,12	2,70	25,42

Ghi chú: 70% là tỉ lệ sau khi thực hiện phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn. Định mức rác thải sinh hoạt nông thôn 0,47 kg/người/ngày; rác thải sinh hoạt đô thị 0,62 kg/người/ngày.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 3. Tổng hợp tình hình thành lập HTX, Tổ vệ sinh môi trường



T T	Địa phương	Tên Hợp tác xã, tổ hợp tác	Số người hoạt động	Số thôn	Tần suất thu gom/tuần	Lương trung bình 01 xã viên	Chi lương cho HTX, THH/tháng
1	Xuân Hội	Tổ vệ sinh	4	11	2	2.750.000	11.000.000
2	Xuân Trường	Tổ vệ sinh	5	10	1	1.800.000	9.000.000
3	Xuân Đan	Tổ vệ sinh	6	5	1	916.667	5.500.000
4	Xuân Phô	Tổ vệ sinh	5	9	1	1.440.000	7.200.000
5	Xuân Hải	Tổ vệ sinh	7	7	1	1.000.000	7.000.000
6	Tiên Điền	Tổ vệ sinh	5	7	1	1.600.000	8.000.000
7	Xuân Yên	Tổ vệ sinh	17	10	1	1.360.000	6.800.000
8	Xuân Thành	Tổ vệ sinh	8	10	1	1.200.000	9.600.000
9	Cổ Đạm	Tổ vệ sinh	18	12	1	777.778	14.000.000
10	Xuân Liên	Tổ vệ sinh	5	11	1	1.760.000	8.800.000
11	Cương Gián	Chưa thành lập	14	15	2	1.714.286	24.000.000
12	TT Nghi Xuân	Chưa thành lập	4	4	2	2.000.000	8.000.000
13	Xuân Giang	Tổ vệ sinh	6	6	2,16	1.433.333	8.600.000
14	TT Xuân An	Chưa thành lập	6	13	2,54	3.500.000	21.000.000
15	Xuân Mỹ	Tổ vệ sinh	9	8	1	777.778	7.000.000
16	Xuân Viên	Tổ vệ sinh	10	6	1	680.000	6.800.000
17	Xuân Lĩnh	HTX dịch vụ MT	7	5	2	1.142.857	8.000.000
18	Xuân Hồng	Tổ vệ sinh	13	9	2	1.269.231	16.500.000
19	Xuân Lam	Tổ vệ sinh	5	5	1	800.000	4.000.000
Tổng		15	154	163			

Ghi chú: Những địa phương tần suất 2,16; 2,54 do một số thôn/tổ dân phố tần suất 3 lần/tuần

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 4: Tổng hợp các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn



TT	Địa phương	Số điểm QH	Số điểm đã xây	Số điểm chưa xây	Diện tích xây dựng (m2)
1	Xuân Hội	1	0	1	
2	Xuân Trường	1	1	1	20
3	Xuân Đan	4	4	0	100
4	Xuân Phổ	3	3	0	168
5	Xuân Hải	1	1	0	100
6	Tiên Điền	2	2	0	150
7	Xuân Yên	4	1	3	100
8	Xuân Thành	3	3	0	60
9	Cổ Đạm	2	2	0	150
10	Xuân Liên	2	0	2	
11	Cương Gián	2	2	0	70
12	Thị trấn Nghi Xuân	x	0	1	
13	Xuân Giang	6	5	1	100
14	Thị trấn Xuân An	5	1	4	50
15	Xuân Mỹ	1	0	1	
16	Xuân Viên	1	1	0	100
17	Xuân Lĩnh	1	1	0	100
18	Xuân Hồng	9	9	0	270
19	Xuân Lam	1	1	0	30
Tổng		49	37	14	1.568

Ghi chú: x: Chưa xác định được

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 5: Thực tế thu và dự toán thu tại các địa phương tháng 8/2017

TT	Địa phương	Thực tế thu theo định mức trên toàn xã, thôn/trần/tháng (tấn)	Dự toán Tổng thu/tháng trên toàn địa bàn	Thực tế thu/tháng trên toàn địa bàn	Tỉ lệ % thực tế thu/dự toán thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Xuân Hội	53,00	27.022.757	26.687.000	98,8
2	Xuân Trường	40,00	22.101.058	12.345.000	55,9
3	Xuân Đan	25,00	13.990.782	9.441.000	67,5
4	Xuân Phô	47,50	18.398.564	9.665.000	52,5
5	Xuân Hải	40,00	22.160.191	13.250.000	59,8
6	Xuân Liên	78,12	29.673.399	26.515.000	89,4
7	Cương Gián	170,00	63.649.618	61.385.819	96,4
8	Xuân Viên	23,60	16.751.844	13.449.000	80,3
9	Xuân Lĩnh	26,88	16.219.143	7.850.000	48,4
10	Tiên Điền	38,56	16.360.064	10.732.021	65,6
11	Xuân Yên	40,00	19.595.822	10.994.667	56,1
12	Xuân Thành	55,70	31.976.398	19.020.000	59,5
13	Cổ Đạm	98,00	32.399.765	36.416.000	112,4
14	TT N.Xuân	50,00	30.572.482	20.041.000	65,6
15	Xuân Mỹ	40,00	18.730.373	12.323.000	65,8
16	Xuân Giang	65,00	25.717.762	22.865.000	88,9
17	TT X.An	189,00	81.655.426	55.610.000	68,1
18	Xuân Hồng	55,00	31.280.388	26.647.000	85,2
19	Xuân Lam	23,80	14.798.657	0	0,0
Tổng/tháng		1.159,16	533.054.493	395.236.507	73,1
Tổng/ngày		38,64			

Ghi chú: Nguồn tổng khối lượng rác thải sinh hoạt 38,6 tấn/ngày lấy theo kết quả điều tra tháng 8/2017 của các địa phương.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN



Phụ lục 6: Bán kính phục vụ và diện tích tối thiểu của điểm tập kết trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

TT	Loại và quy mô trạm trung chuyển	Công suất (tấn/ngày)	Bán kính phục vụ tối đa (km)	Diện tích tối thiểu (m ²)
I	Trạm trung chuyển không chính thống (không có các hạ tầng kỹ thuật)			
1	Cỡ nhỏ	< 5	0,5	20
2	Cỡ vừa	5 - 10	1,0	50
3	Cỡ lớn	> 10	7,0	50
II	Trạm trung chuyển chính thống (có các hạ tầng kỹ thuật)			
1	Cỡ nhỏ	< 100	10,0	500
2	Cỡ vừa	100 - 500	15,0	1.000
3	Cỡ lớn	> 500	30,0	5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 7: Về vị trí, công suất lắp đặt lò, phạm vi xử lý, hình thức đầu tư



TT	Vị trí đặt lò	Phạm vi xử lý		Tổng khối lượng rác phát sinh (tấn/ngày)	Công suất lắp đặt lò (kg/h)	Diện tích	Hình thức đầu tư
		Tổng	Các địa phương				
I. Các vị trí đã được chấp thuận							
1	Cương Gián	2	1. Cương Gián 2. Xuân Liên	8,27	700	2,0	Doanh nghiệp
2	Xuân Thành	6	1. Xuân Hội 2. Xuân Trường 3. Xuân Đan 4. Xuân Phở 5. Xuân Thành 6. Cổ Đạm	10,64	1000	1,2	Doanh nghiệp
3	Xuân Yên	2	1. Xuân Yên 2. Xuân Hải	2,66	500	0,5	Doanh nghiệp
II. Vị trí bổ sung quy hoạch							
4	Xuân Mỹ	9	1. Tiên Điền 2. TT Nghi Xuân 3. Xuân Giang 4. Xuân An 5. Xuân Hồng 6. Xuân Lam 7. Xuân Lĩnh 8. Xuân Viên 9. Xuân Mỹ	17,07	2000	3 đến 5 ha	Doanh nghiệp hoặc Nhà nước
Tổng		19		38,64			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨ XUÂN

Phụ lục 8. Sơ đồ vị trí các điểm xử lý rác thải trên địa bàn huyện

